

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG TUẦN 1

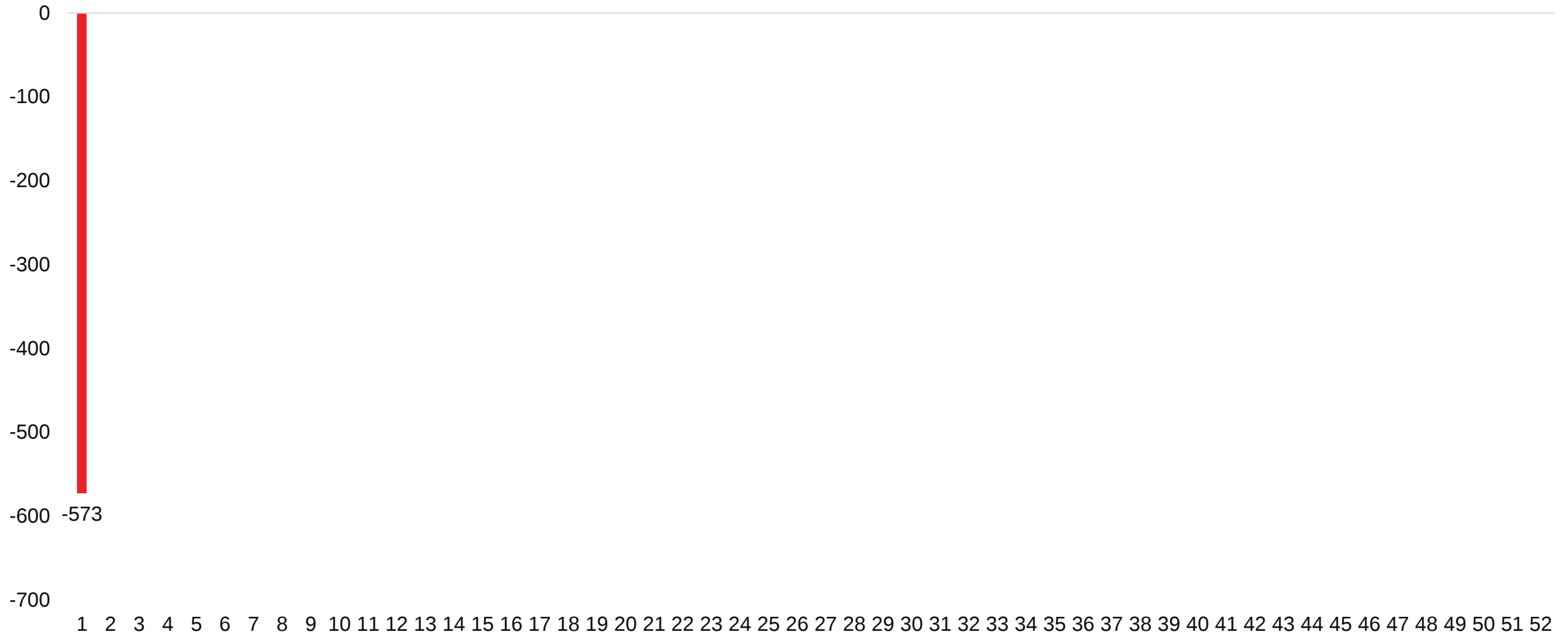
04/01/2022 – 07/01/2022



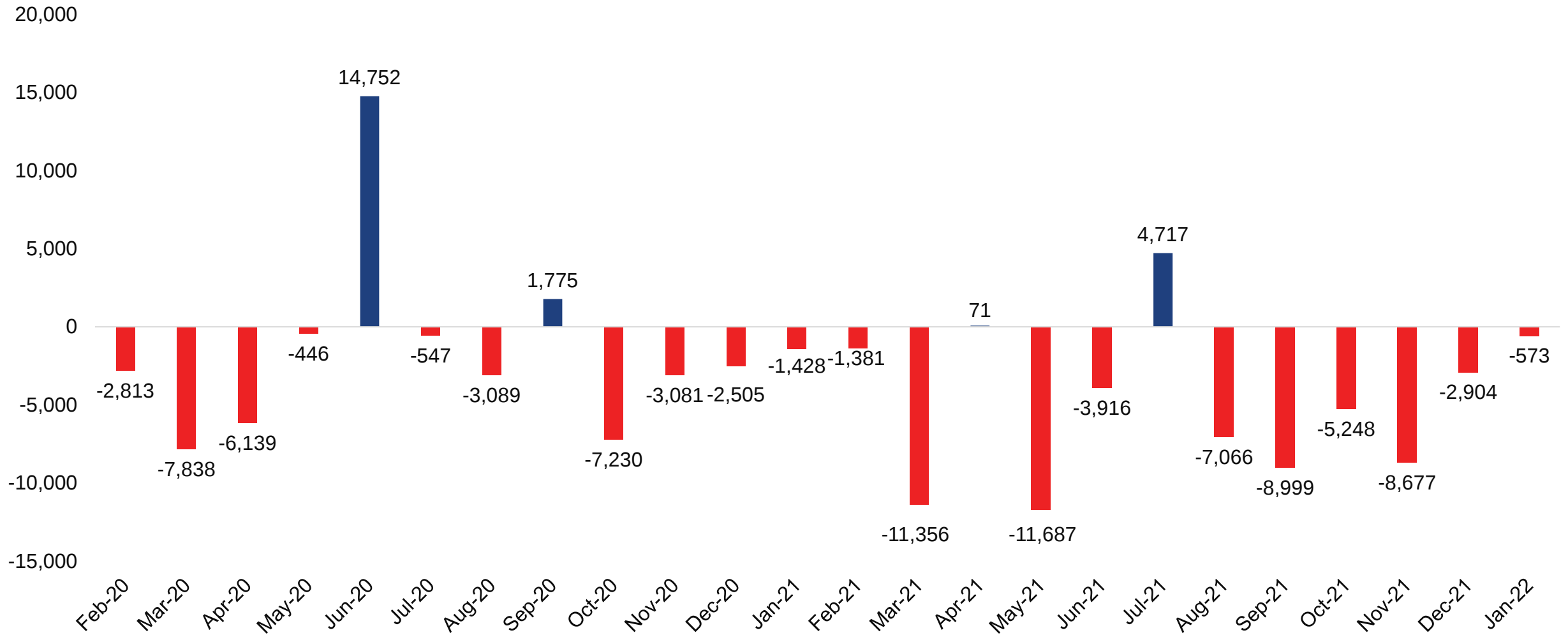


Ngày	Thay đổi Vnindex từ đầu năm
01 – 07 – 2022	0.19%

Mua/bán ròng khối ngoại theo tuần từ đầu năm 2022 (Tỷ)



Mua/bán ròng khối ngoại theo tháng từ 2020 đến nay (Tỷ)



Top 10 cổ phiếu được mua ròng lớn nhất từ NN trong tuần

Mã CK	Giá trị mua ròng (Tỷ)
VHM	595
GAS	130
KBC	120
CTG	105
HPG	97
PLX	77
BCM	73
STB	66
DXG	58
PVD	52

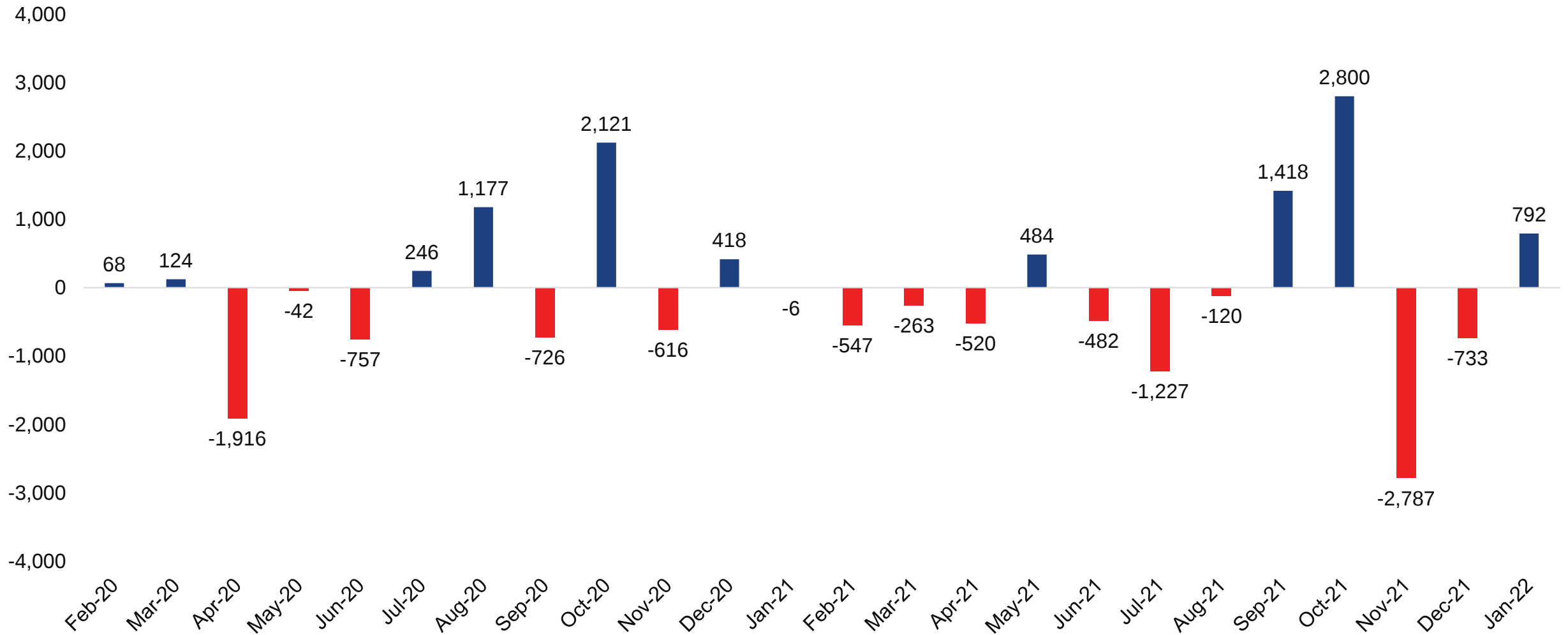
Top 10 cổ phiếu bị bán ròng lớn nhất từ NN trong tuần

Mã CK	Giá trị bán ròng (Tỷ)
MSN	395
CII	392
VNM	348
NVL	246
VRE	187
VIC	158
HSG	137
GEX	84
VND	56
NLG	47

Mua/bán ròng tự doanh theo tuần từ đầu năm 2022 (Tỷ)



Mua/bán ròng tự doanh theo tháng từ 2020 đến nay (Tỷ)



Top 10 cổ phiếu được mua lớn nhất từ Tự doanh trong tuần

Mã CK	Giá trị mua (Tỷ)
TCB	248
VPB	195
STB	186
HPG	176
MWG	148
KBC	124
FPT	100
MBB	97
MSN	96
VHM	93

Top 10 cổ phiếu bị bán lớn nhất từ Tự doanh trong tuần

Mã CK	Giá trị bán (Tỷ)
FPT	152
STB	123
KBC	118
MWG	116
TCB	94
VRE	92
VHM	83
VPB	81
HPG	78
MBB	72

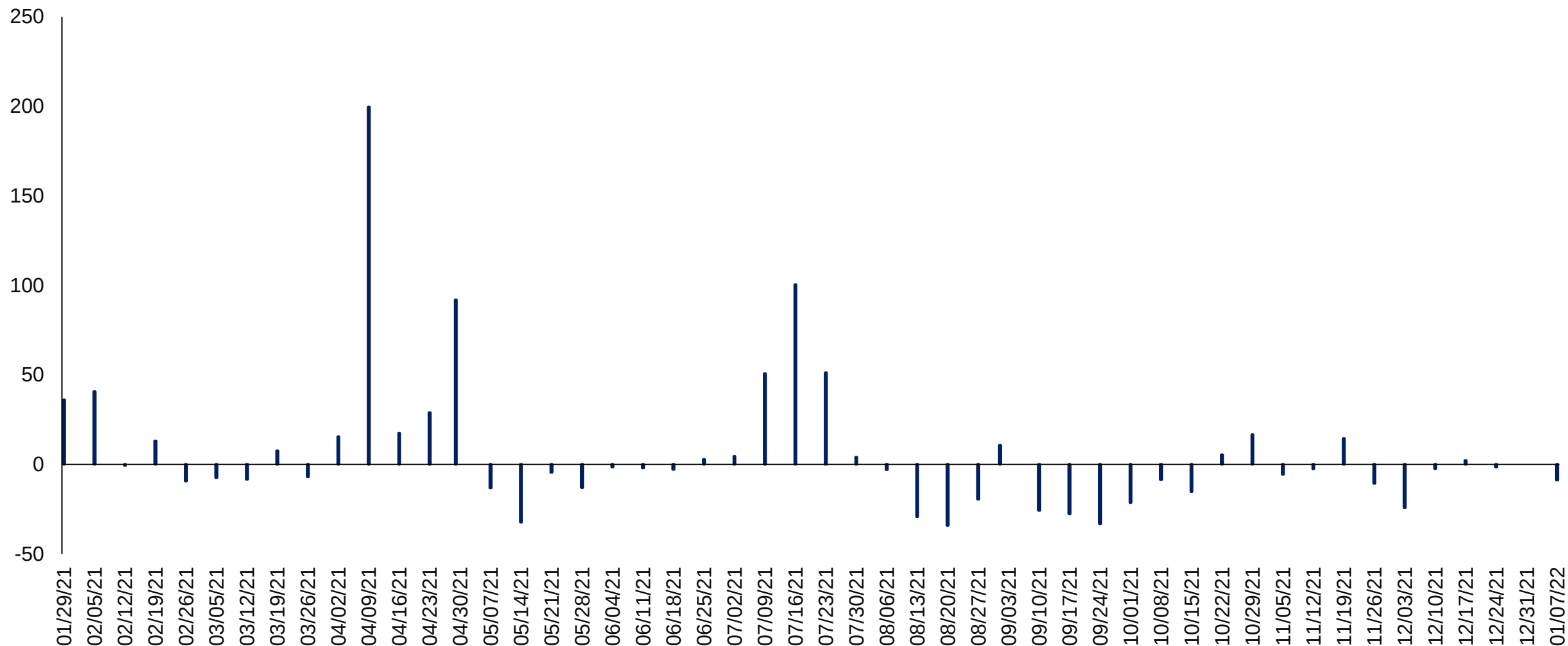
Giá trị mua ròng tự doanh nhóm VN30 tuần 1 là 550.85 tỷ

Mã CK	Giá trị ròng (Tỷ)
ACB	34.94
BID	1.23
BVH	3.98
CTG	23.56
FPT	-51.73
GAS	0.58
GVR	7.54
HDB	-3.63
HPG	97.75
KDH	-25.16
MBB	25.44
MSN	37.45
MWG	31.88
NVL	-2.85
PDR	-2.62

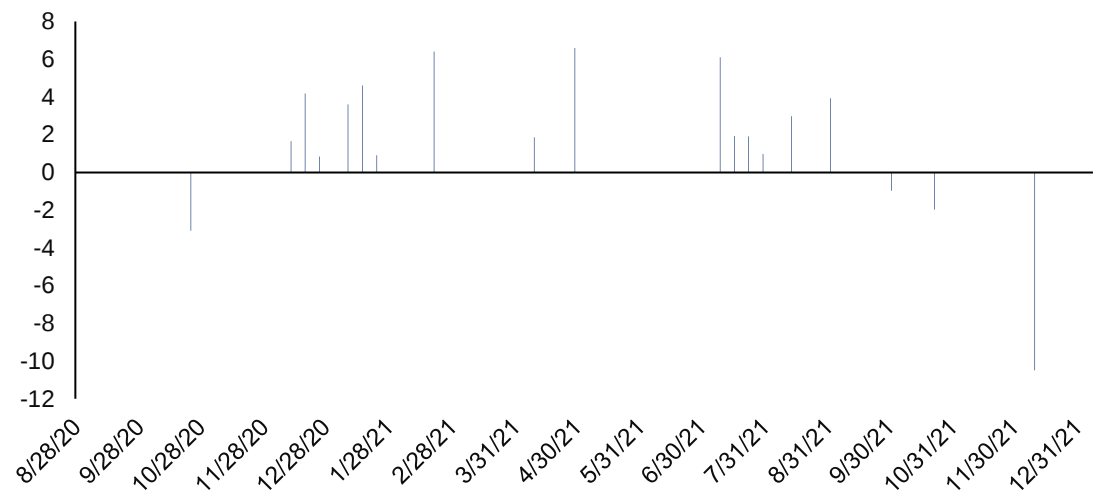
Mã CK	Giá trị ròng (Tỷ)
PLX	-2.33
PNJ	-17.92
POW	2.45
SAB	-0.62
SSI	55.01
STB	63.49
TCB	153.85
TPB	-4.38
VCB	13.84
VHM	9.51
VIC	14.37
VJC	-12.35
VNM	-8.31
VPB	113.26
VRE	-7.38

ETF Fundflow	Shares Out (Million)	AUM	Dòng vốn ròng (Million USD)					
			Tuần qua	Q1/2022	Q4/2021	Q3/2021	Q2/2021	Từ 1/1/2022
VanEck Vectors Vietnam	27.7	595.36	0.00	0.00	-13.43	17.78	8.44	0.00
FTSE Vietnam Swap UCITS	8.4	404.03	0.00	0.00	-23.96	-42.10	-21.59	0.00
VFMVN30	421.4	478.29	-2.39	-2.39	1.93	17.79	0.56	-2.39
KINDEX Vietnam VN30	9.3	185.49	0.00	0.00	-9.86	7.20	-14.03	0.00
iShares MSCI Frontier and Select EM	14.8	511.38	0.00	0.00	3.61	13.25	-9.53	0.00
Premia MSCI Vietnam	2.4	32.18	0.55	0.55	1.05	0.26	-1.74	0.55
ETF SSIAM VNFIN LEAD	160.0	152.30	0.00	0.00	14.65	0.00	2.89	0.00
VFMVN Diamond	488.5	592.81	-3.03	-3.03	16.55	-53.73	33.25	-3.03
Fubon FTSE Vietnam	731.2	473.19	-3.92	-3.92	-43.88	88.51	288.52	-3.92
Total		3,425.03	-8.79	-8.79	-53.35	48.96	286.77	-8.79

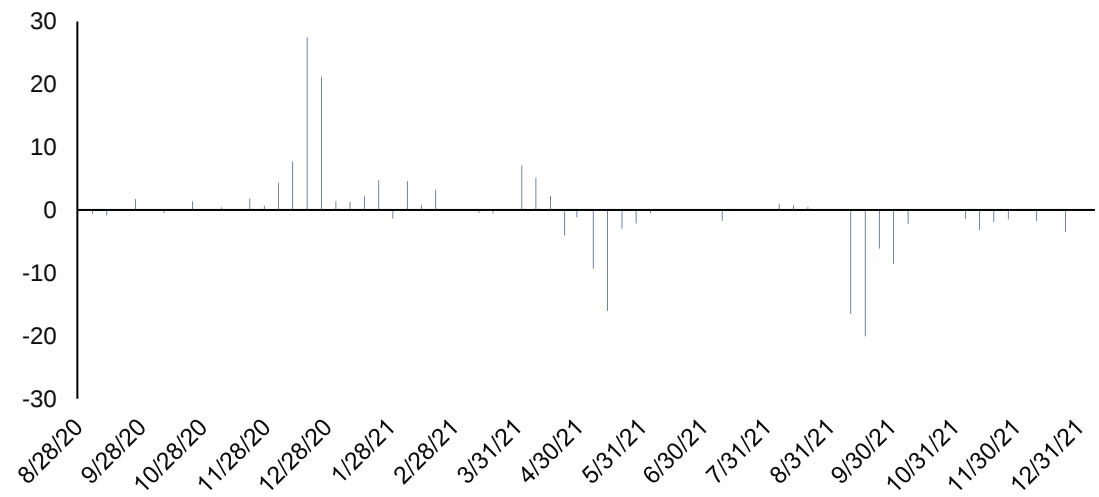
Total ETF Fundflow (Million USD)



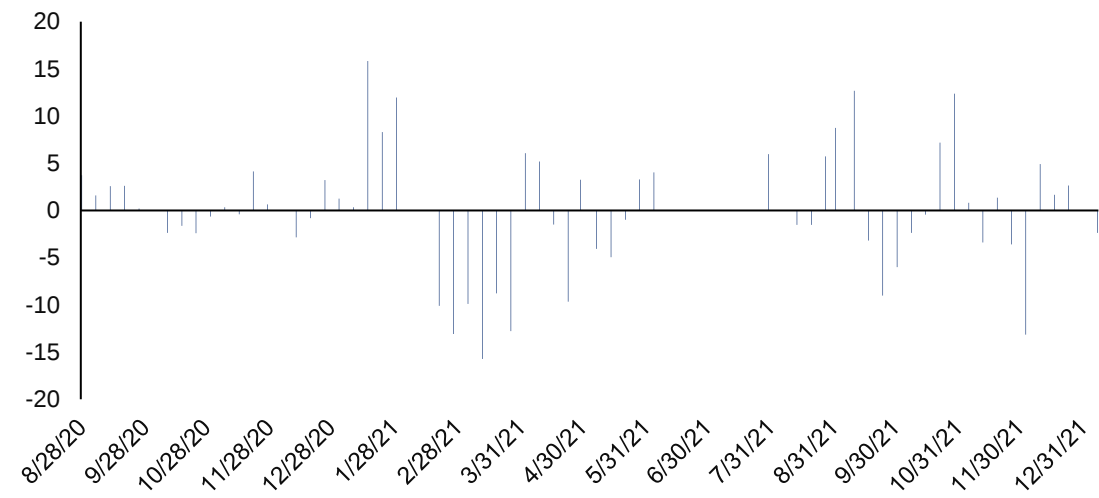
VanEck Vectors Vietnam (Million USD)



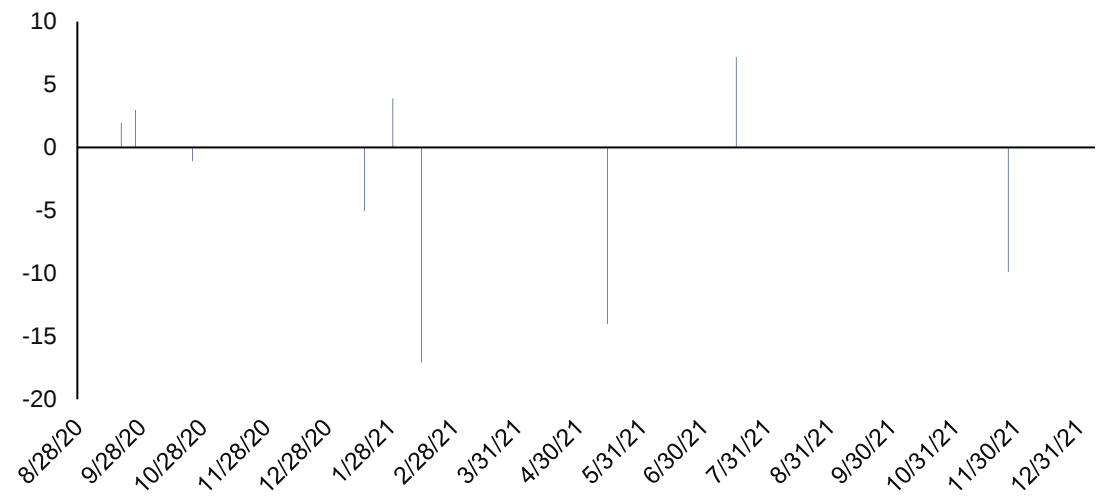
FTSE Vietnam Swap UCITS (Million USD)



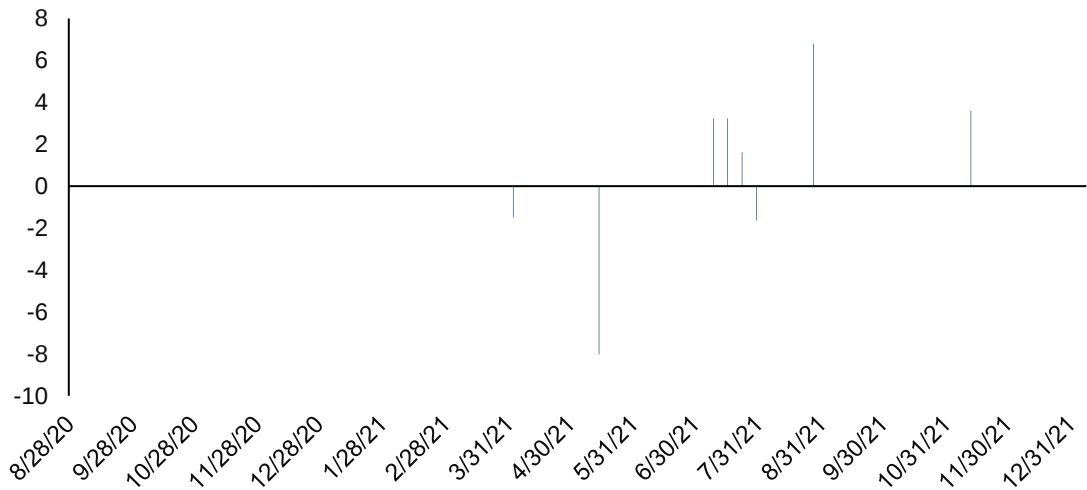
VFMVN30 (Million USD)



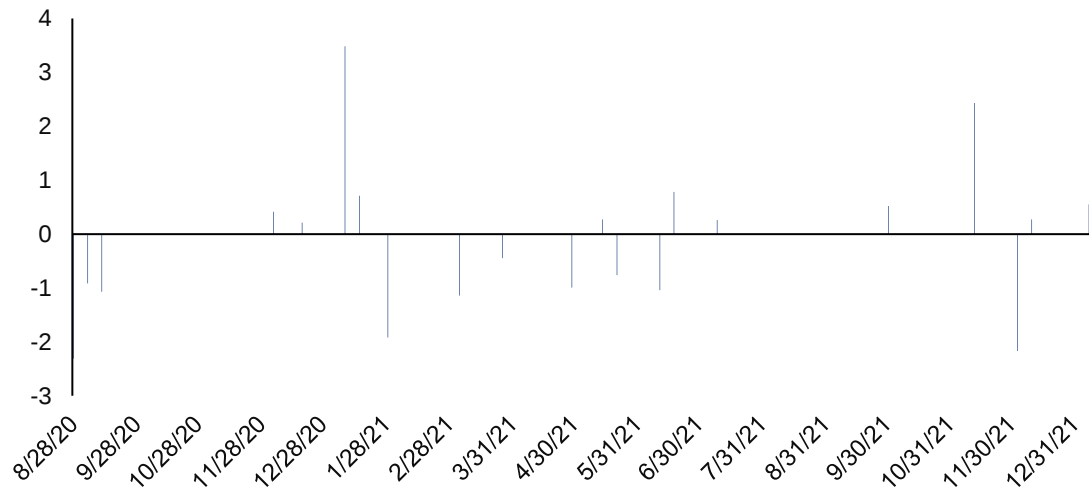
KINDEX Vietnam VN30 (Million USD)



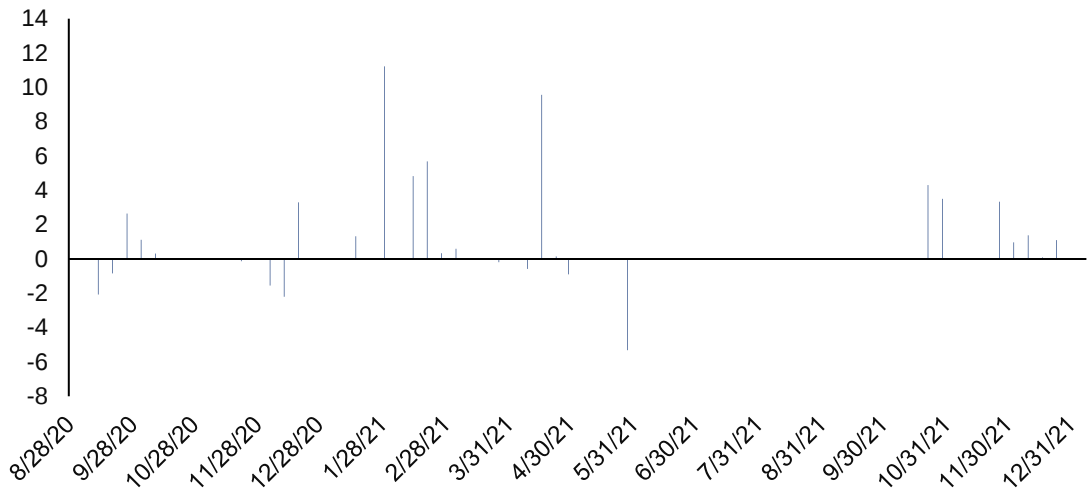
iShares MSCI Frontier and Select EM (Million USD)



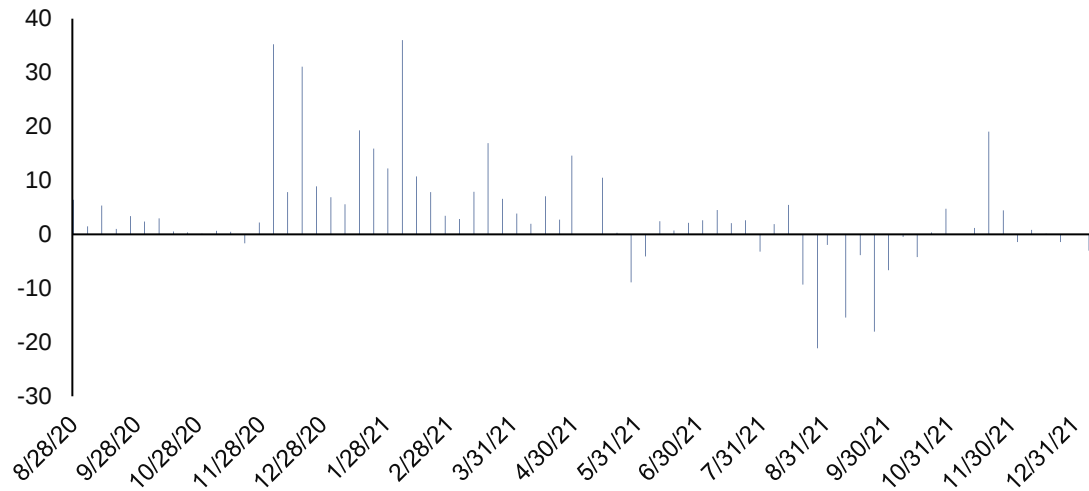
Premia MSCI Vietnam (Million USD)



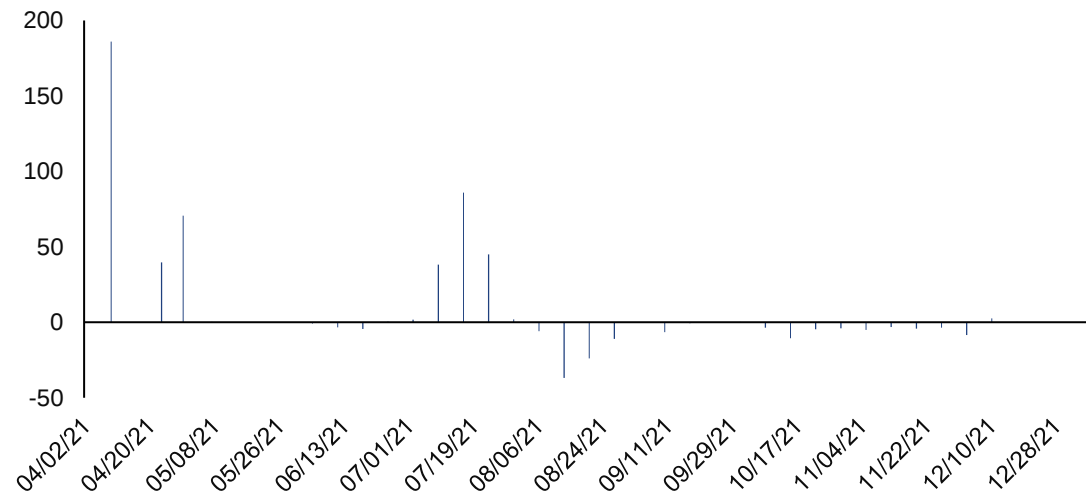
ETF SSIAM VNFIN LEAD (Million USD)



VFMVN Diamond (Million USD)



Fubon FTSE Vietnam (Million USD)



Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi TCSC dựa vào các nguồn thông tin mà TCSC coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích TCSC. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

TCSC có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.



THANHCONG SECURITIES CO.

A: 2nd floor, No. 6 Ho Tung Mau St., Nguyen Thai Binh W., D.1, HCMC
T: (+84 28) 3827 0527 | F: (+84 28) 3821 80 10

www.tcsc.vn